



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 4103004305 ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 7 tháng 12 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 12 tháng 4 năm 2021)
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 12 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 11 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 11 tháng 4 năm 2021)

Trụ sở đăng ký
236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 9 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 9 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00367-21-2



Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3064-2019-007-1

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2021

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		631.465.021.774	535.800.264.372
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	454.718.456.374	348.425.596.671
Tiền	111		64.718.456.374	85.563.948.562
Các khoản tương đương tiền	112		390.000.000.000	262.861.648.109
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.059.291.874	84.432.606.660
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	29.391.638.846	43.306.569.727
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	8.297.410.459	999.045.138
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	42.370.242.569	40.126.991.795
Hàng tồn kho	140	13	96.315.293.980	102.447.332.443
Hàng tồn kho	141		96.315.293.980	102.447.332.443
Tài sản ngắn hạn khác	150		371.979.546	494.728.598
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		371.979.546	494.728.598
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.127.533.460.595	1.250.266.915.411
Các khoản phải thu dài hạn	210		231.500.000	231.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		231.500.000	231.000.000
Tài sản cố định	220		1.100.274.946.680	1.222.996.781.496
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.076.621.500.185	1.199.036.832.755
Nguyên giá	222		4.801.177.321.469	4.833.906.466.722
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.724.555.821.284)	(3.634.869.633.967)
Tài sản cố định vô hình	227	15	23.653.446.495	23.959.948.741
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.597.533.716)	(4.291.031.470)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	17.640.046.940	17.640.046.940
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(46.859.953.060)	(46.859.953.060)
Tài sản dài hạn khác	260		9.386.966.975	9.399.086.975
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.561.363	3.561.363
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34(d)	9.383.405.612	9.395.525.612
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.758.998.482.369	1.786.067.179.783
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		699.393.235.091	685.330.859.693
Nợ ngắn hạn	310		413.766.103.091	353.444.962.532
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	52.066.742.252	73.737.888.176
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		205.929.522	227.255.360
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	13.419.003.664	15.591.366.681
Phải trả người lao động	314		49.527.375.084	44.674.635.777
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	11.878.228.871	10.086.294.642
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	63.777.712.086	30.549.024.585
Vay ngắn hạn	320	21(a)	83.357.837.840	87.413.760.168
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	119.373.333.129	83.424.443.081
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	20.159.940.643	7.740.294.062
Nợ dài hạn	330		285.627.132.000	331.885.897.161
Vay dài hạn	338	21(b)	285.627.132.000	331.885.897.161

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.059.605.247.278	1.100.736.320.090
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.059.605.247.278	1.100.736.320.090
Vốn cổ phần	411	25	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	250.991.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.242.301.722	62.873.374.534
- LNST chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước/năm trước	421a		17.997.895.153	(7.089.308.879)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		41.244.406.569	69.962.683.413
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.758.998.482.369	1.786.067.179.783

Ngày 9 tháng 9 năm 2021

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

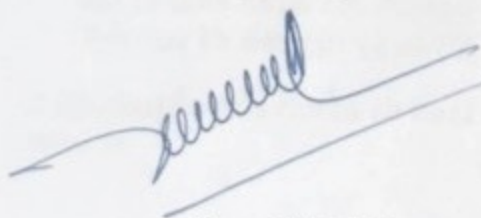
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	524.992.452.942	620.680.303.476
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	29	439.452.109.464	545.374.914.910
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		85.540.343.478	75.305.388.566
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	6.395.784.347	5.233.380.806
Chi phí tài chính	22	31	12.698.017.783	18.699.677.503
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.571.717.683</i>	<i>17.164.557.908</i>
Chi phí bán hàng	25		891.573.263	1.042.865.896
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		38.945.401.283	35.302.723.800
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		39.401.135.496	25.493.502.173
Thu nhập khác	31	32	13.638.375.523	322.490.032
Chi phí khác	32		97.719.644	56.453.119
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		13.540.655.879	266.036.913
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.941.791.375	25.759.539.086
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	11.685.264.806	6.336.811.145
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.120.000	12.120.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		41.244.406.569	19.410.607.941
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	475	246

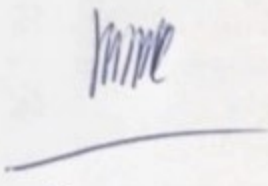
Ngày 9 tháng 9 năm 2021

Người lập:



Phan Nhân Tri
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		52.941.791.375	25.759.539.086
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		122.721.834.816	122.701.495.997
Các khoản dự phòng	03		35.948.890.048	43.255.054.666
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(815.564.573)	858.238.534
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(18.634.503.658)	(4.818.309.168)
Chi phí lãi vay	06		12.571.717.683	17.164.557.908
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		204.734.165.691	204.920.577.023
Biến động các khoản phải thu	09		4.365.347.365	(9.311.987.255)
Biến động hàng tồn kho	10		6.132.038.463	13.770.781.561
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(15.042.926.460)	(69.421.873.432)
Biến động chi phí trả trước	12		122.749.052	2.838.183.822
			200.311.374.111	142.795.681.719
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.823.661.971)	(17.439.077.529)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.150.860.486)	(19.749.625.592)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.863.000.000)	(6.599.610.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		167.473.851.654	99.007.368.598
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(922.998.907)	(25.290.969.807)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		13.479.667.976	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.154.835.682	4.818.309.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.711.504.751	(20.472.660.639)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
 ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	10.081.261.692
Tiền trả nợ gốc vay	34		(49.276.940.734)	(71.325.819.673)
Tiền trả cổ tức	36		(29.610.257.200)	(45.455.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(78.887.197.934)	(61.290.012.981)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		106.298.158.471	17.244.694.978
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		348.425.596.671	264.828.661.234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.298.768)	(61.501.593)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	454.718.456.374	282.011.854.619

Ngày 9 tháng 9 năm 2021

Người lập:



Phan Nhân Tri
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính hợp nhất

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 2 công ty con (1/1/2021: 2 công ty con), chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	
		30/6/2021	1/1/2021
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty và các công ty con có 558 nhân viên (1/1/2021: 563 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong; và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty và các công ty con thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: Vận tải xăng dầu
- Bộ phận kinh doanh thương mại: Mua bán xăng dầu
- Bộ phận khác: các hoạt động khác của Công ty và các công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	492.278.464.232	17.911.703.221	14.802.285.489	-	524.992.452.942
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	3.500.277.115	(3.500.277.115)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	492.278.464.232	17.911.703.221	18.302.562.604	(3.500.277.115)	524.992.452.942
Kết quả kinh doanh của bộ phận	78.195.622.780	1.557.804.187	5.786.916.511	-	85.540.343.478
Chi phí phân bổ	(35.419.234.419)	(1.037.481.136)	(3.380.258.991)	-	(39.836.974.546)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	42.776.388.360	520.323.051	2.406.657.521	-	45.703.368.932
Doanh thu tài chính					6.395.784.347
Chi phí tài chính					(12.698.017.783)
Thu nhập khác					13.638.375.523
Chi phí khác					(97.719.644)
Thuê thu nhập doanh nghiệp					(11.685.264.806)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(12.120.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					41.244.406.569

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	512.865.024.167	92.555.686.592	15.259.592.717	-	620.680.303.476
Doanh thu giữa các bộ phận	-	15.663.047.456	4.745.583.754	(20.408.631.210)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	512.865.024.167	108.218.734.048	20.005.176.471	(20.408.631.210)	620.680.303.476
Kết quả kinh doanh của bộ phận	67.143.562.634	1.833.213.574	6.328.612.358	-	75.305.388.566
Chi phí phân bổ	(31.516.396.118)	(1.247.619.776)	(3.581.573.802)	-	(36.345.589.696)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	35.627.166.516	585.593.798	2.747.038.556	-	38.959.798.870
Doanh thu tài chính					5.233.380.806
Chi phí tài chính					(18.699.677.503)
Thu nhập khác					322.490.032
Chi phí khác					(56.453.119)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(6.336.811.145)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(12.120.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					19.410.607.941

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	1.117.909.699.687	22.634.621.147	47.301.279.839	1.187.845.600.673
Tài sản không phân bổ				571.152.881.696
Tổng tài sản				1.758.998.482.369
Nợ phải trả của bộ phận	579.252.878.281	19.563.273.224	29.568.442.627	628.384.594.132
Các khoản nợ không phân bổ				71.008.640.959
Tổng nợ phải trả				699.393.235.091

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	1.292.575.805.539	21.880.738.630	43.750.019.914	1.358.206.564.083
Tài sản không phân bổ				427.860.615.700
Tổng tài sản				1.786.067.179.783
Nợ phải trả của bộ phận	516.571.558.000	27.470.994.929	26.417.279.835	570.459.832.764
Các khoản nợ không phân bổ				114.871.026.929
Tổng nợ phải trả				685.330.859.693

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn	922.998.907	-	-	922.998.907
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	122.415.332.570	-	-	122.415.332.570
Khấu hao tài sản cố định vô hình	306.502.246	-	-	306.502.246

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn	25.290.969.807	-	-	25.290.969.807
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	122.394.993.749	-	-	122.394.993.749
Khấu hao tài sản cố định vô hình	306.502.248	-	-	306.502.248

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty hoạt động tại miền Nam và miền Trung Việt Nam. Hoạt động kinh doanh tại miền Trung là không trọng yếu đối với Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	796.972.922	399.523.210
Tiền gửi ngân hàng	63.921.483.452	85.164.425.352
Các khoản tương đương tiền (*)	390.000.000.000	262.861.648.109
	454.718.456.374	348.425.596.671

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,8%/năm đến 3,5%/năm (1/1/2021: từ 2,9%/năm đến 4%/năm).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	8.665.373.839	17.725.635.225
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	2.561.343.235	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	2.117.345.064	18.952.668.800
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	1.428.924.500	1.740.285.175
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	345.349.094	314.366.793
Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng	598.504.000	138.800.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco	170.304.200	104.709.550
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	91.680.000	1.639.586.787
Công ty Xăng dầu B12	3.236.800	-
	15.982.060.732	40.616.052.330
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Động Lực	7.936.847.066	-
Công ty TNHH Vận tải biển Đông Long	4.036.828.527	205.330.745
Các khách hàng khác	1.435.902.521	2.485.186.652
	13.409.578.114	2.690.517.397
	29.391.638.846	43.306.569.727

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trả trước hợp đồng hệ thống xử lý nước dẫn tàu	6.512.995.888	-
Trả trước khác	1.784.414.571	999.045.138
	8.297.410.459	999.045.138

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi hộ các công ty liên quan	16.471.794.771	12.847.887.566
▪ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	5.239.330.032	4.071.218.280
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	5.138.526.604	4.642.224.749
▪ Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng	2.246.056.400	787.402.960
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	2.021.792.682	2.447.301.977
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco	1.651.250.138	469.688.609
▪ Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	174.838.915	430.050.991
Tạm ứng cho người lao động	2.445.173.341	2.749.143.949
Phải thu Nhà nước (Thuyết minh 22)	12.500.000.000	12.500.000.000
Các khoản phải thu khác	10.953.274.457	12.029.960.280
	42.370.242.569	40.126.991.795

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

13. Hàng tồn kho

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	614.475.000	-
Nguyên vật liệu	94.821.694.068	92.530.812.388
Công cụ và dụng cụ	710.108.672	434.471.425
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	169.016.240	611.886.314
Hàng gửi đi bán	-	8.870.162.316
	96.315.293.980	102.447.332.443

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	106.179.491.913	491.464.601	4.726.801.728.106	433.782.102	4.833.906.466.722
Thanh lý	-	-	(32.729.145.253)	-	(32.729.145.253)
	106.179.491.913	491.464.601	4.694.072.582.853	433.782.102	4.801.177.321.469
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.035.158.961	491.464.601	3.628.922.258.596	420.751.809	3.634.869.633.967
Khấu hao trong kỳ	1.448.594.292	-	120.960.223.124	6.515.154	122.415.332.570
Thanh lý	-	-	(32.729.145.253)	-	(32.729.145.253)
	6.483.753.253	491.464.601	3.717.153.336.467	427.266.963	3.724.555.821.284
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	101.144.332.952	-	1.097.879.469.510	13.030.293	1.199.036.832.755
Số dư cuối kỳ	99.695.738.660	-	976.919.246.386	6.515.139	1.076.621.500.185

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 672.595 triệu VND (1/1/2021: 727.008 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 1.533.803 triệu VND (1/1/2021: 1.564.828 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.291.031.470
Khấu hao trong kỳ	306.502.246
Số dư cuối kỳ	4.597.533.716
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	23.959.948.741
Số dư cuối kỳ	23.653.446.495

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2021					Giá trị hợp lý VND	1/1/2021					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(46.859.953.060)	(*)	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(46.859.953.060)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	-	(*)	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>					<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	176.717.517	5.453.229.078
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	15.083.515.310	24.458.563.556
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	7.350.019.318	5.791.075.846
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	3.077.487.329	3.427.201.566
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	5.762.556.350	3.341.863.250
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	-	5.568.373.500
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	1.506.088.663	1.655.465.806
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	5.600.394.911	2.471.912.503
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	2.337.555.558	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	1.893.592.811	1.958.286.924
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	57.228.938	124.308.719
Công ty Xăng dầu Nghệ An	675.922.500	-
	43.521.079.205	54.250.280.748
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH MTV Thái Sơn	4.655.617.360	4.655.617.360
Các nhà cung cấp khác	3.890.045.687	14.831.990.068
	8.545.663.047	19.487.607.428
	52.066.742.252	73.737.888.176

Khoản phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	4.310.456.732	29.813.623.919	(30.546.071.947)	3.578.008.704
Thuế nhập khẩu	-	1.135.456.592	(1.135.456.592)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.602.945.878	11.685.264.806	(13.150.860.486)	8.137.350.198
Thuế thu nhập cá nhân	1.573.524.977	2.077.764.374	(3.229.099.637)	422.189.714
Các loại thuế khác	104.439.094	1.318.893.396	(141.877.442)	1.281.455.048
	15.591.366.681	46.083.938.459	(48.256.301.476)	13.419.003.664

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	1.864.439.297	2.121.816.027
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	916.364.655	2.177.260.049
Chi phí phúc lợi nhân viên	4.000.000.000	-
Chi phí bảo trì	2.006.558.231	-
Cảng phí	401.840.000	402.505.000
Bảo hiểm	-	3.442.638.033
Các khoản khác	2.689.026.688	1.942.075.533
	11.878.228.871	10.086.294.642

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả cổ đông khác	34.650.364.260	1.167.288.660
Phải trả về hoạt động nhập khẩu ủy thác	2.448.890.987	3.132.707.169
Kinh phí công đoàn	2.240.809.986	2.409.674.601
Chi phí trả hộ về thuê thuyền viên Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO – công ty liên quan	1.417.817.910	1.561.067.016
Chi phí khác	23.019.828.943	22.278.287.139
	63.777.712.086	30.549.024.585

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ		Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
	1/1/2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Lỗi chênh lệch tỷ giá VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	87.413.760.168	45.627.385.067	(49.276.940.734)	(406.366.661)	83.357.837.840



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	VND	7,9% - 8,1%	2026	163.020.721.500	178.546.504.500
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	USD	4,5%	2027	69.526.464.000	75.629.827.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	USD	4,0%	2023	128.787.214.500	145.918.317.781
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	USD	4,5%	2022	7.650.569.840	19.205.008.048
				368.984.969.840	419.299.657.329
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(83.357.837.840)	(87.413.760.168)
				285.627.132.000	331.885.897.161

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 672.595 triệu VND (1/1/2021: 727.008 triệu VND) (Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự phòng phải trả Nhà nước (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Dự phòng sửa chữa lớn (ii)	69.373.333.129	33.424.443.081
	119.373.333.129	83.424.443.081

(i) Ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST (“Bản án”) đối với vụ việc liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư khu nhà, đất số 8 – 12 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mà trong đó Công ty là bên liên đới trong vụ xét xử. Trước đây, trong năm 2010, Công ty (xuất phát từ tư cách là một trong các bên thuê đất tại số 8 – 12 Lê Duẩn và được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“UBND”) chỉ định tham gia dự án đầu tư khu nhà đất số 8 – 12 Lê Duẩn với tư cách là cổ đông góp vốn trong Công ty cổ phần đầu tư Lavenue) đã thực góp số tiền 12,5 tỷ VND. Sau đó, cũng trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Lavenue cho một đối tác và ghi nhận doanh thu tài chính với số tiền 50 tỷ VND và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 12,5 tỷ VND tương ứng vào Ngân sách Nhà nước. Theo kết luận của Bản án, trường hợp Công ty không đủ năng lực tài chính tham gia dự án đầu tư thì “*phải báo cáo UBND để có biện pháp tìm kiếm nhà đầu tư mới, việc thay đổi nhà đầu tư phải được sự đồng ý của UBND*”. Do đó, cũng theo Bản án khoản doanh thu tài chính “*50 tỷ VND từ việc chuyển nhượng này là khoản thu lợi bất chính nên cần được thu hồi theo quy định của pháp luật và Công ty được quyền liên hệ với Chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế đã nộp*”. Hiện tại các bên liên đới đến vụ xét xử đang xin kháng cáo. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, thời gian xét xử phúc thẩm vẫn chưa được ấn định. Tuy nhiên với kết luận của Bản án sơ thẩm, Ban lãnh đạo nhận định rằng Công ty đã có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể xảy ra và giá trị của nghĩa vụ nợ có thể được ước tính một cách tin cậy, do đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo kết luận của Bản án sơ thẩm để ghi nhận khoản dự phòng phải trả Nhà nước với số tiền 50 tỷ VND, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND (Thuyết minh 12) và đồng thời ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 37,5 tỷ VND (Thuyết minh 24).

(ii) Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong kỳ như sau:

	Dự phòng sửa chữa lớn	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	33.424.443.081	65.999.999.998
Dự phòng lập trong kỳ	41.625.002.004	43.255.054.666
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(5.676.111.956)	(35.195.457.311)
	69.373.333.129	74.059.597.353

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.740.294.062	9.485.978.540
Trích lập trong kỳ	19.282.146.581	20.031.585.522
Sử dụng quỹ	(6.862.500.000)	(12.255.710.000)
Số dư cuối kỳ	20.159.940.643	17.261.854.062

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	121.422.276.043	1.159.285.221.599
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	19.410.607.941	19.410.607.941
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(20.031.585.522)	(20.031.585.522)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(70.979.999.400)	(70.979.999.400)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	49.821.299.062	1.087.684.244.618
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	62.873.374.534	1.100.736.320.090
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	41.244.406.569	41.244.406.569
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(19.282.146.581)	(19.282.146.581)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(63.093.332.800)	(63.093.332.800)
Điều chuyển quỹ (*)	-	-	-	(37.500.000.000)	37.500.000.000	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	59.242.301.722	1.059.605.247.278

(*) Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2021 đã quyết định điều chuyển 37.500 triệu VND từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 63.093 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: phân phối khoản cổ tức trị giá 70.980 triệu VND, tương đương 900 VND mỗi cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	17.160.000	-

(b) Ngoại tệ

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	127.599	2.924.553.953	19.498	449.142.419

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	17.911.703.221	92.555.686.592
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	492.278.464.232	512.865.024.167
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	14.802.285.489	15.259.592.717
	524.992.452.942	620.680.303.476

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	16.353.899.034	90.722.473.018
Giá vốn dịch vụ vận tải biển	414.082.841.452	445.721.461.533
Giá vốn dịch vụ khác	9.015.368.978	8.930.980.359
	439.452.109.464	545.374.914.910

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Cổ tức được chia	1.250.000.000	1.250.200.000
Lãi tiền gửi	3.904.835.682	3.568.109.168
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	425.329.092	415.071.638
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	815.564.573	-
Doanh thu tài chính khác	55.000	-
	6.395.784.347	5.233.380.806

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	12.571.717.683	17.164.557.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	125.131.398	665.066.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	858.238.534
Chi phí tài chính khác	1.168.702	11.814.955
	12.698.017.783	18.699.677.503

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	13.479.667.976	-
Các khoản khác	158.707.547	322.490.032
	<u>13.638.375.523</u>	<u>322.490.032</u>

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	118.337.298.875	126.956.831.067
Chi phí nhân viên	98.891.142.923	76.593.466.719
Chi phí khấu hao	122.721.834.816	122.701.495.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.836.104.017	86.171.701.582
Chi phí khác	66.705.934.271	76.612.047.404
	<u>666.992.211.802</u>	<u>663.035.642.779</u>

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	11.685.264.806	6.336.811.145
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	12.120.000	12.120.000
	<u>11.697.384.806</u>	<u>6.348.931.145</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.941.791.375	25.759.539.086
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.588.358.275	5.151.907.817
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.359.026.531	1.447.063.328
Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế	(250.000.000)	(250.040.000)
	11.697.384.806	6.348.931.145

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú	20%	9.371.990.612	9.371.990.612
Khác	20%	11.415.000	23.535.000
		9.383.405.612	9.395.525.612

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ, chi tiết như sau:

(i) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	78.866.666	78.866.666

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông (VND)	41.244.406.569	19.410.607.941
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(3.804.880.600)	-
	37.439.525.969	19.410.607.941
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	78.866.666	78.866.666
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	475	246

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 **Error! Reference source not found.**, Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3.805 triệu VND.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Doanh thu cung cấp dịch vụ	257.186.298.232	281.006.693.532
Công ty mẹ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.623.512.183	275.089.285,854
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.732.658.418
Chia cổ tức	33.172.173.600	37.318.695.300
Các công ty liên quan khác Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ Mua hàng hóa và dịch vụ	9.333.855.287	15.207.555.351
Công ty Xăng dầu Đồng Nai Mua hàng hóa và dịch vụ	11.917.575.178	14.563.155.345
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn Mua hàng hóa và dịch vụ	17.922.814.728	11.840.158.448
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore Doanh thu cung cấp dịch vụ	305.061.366	6.000.592.104
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.287.635.097	15.346.546.269
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu Mua hàng hóa và dịch vụ	17.770.351.022	19.591.686.850
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch Vụ Petrolimex Hải Phòng Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.020.053.181	859.489.000
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex Mua hàng hóa và dịch vụ	1.990.245.563	2.215.274.180
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP Mua hàng hóa và dịch vụ	14.047.788.300	10.886.341.900
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.314.149.523	719.535.204
Mua hàng hóa và dịch vụ	106.293.704.938	92.511.785.435

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty Xăng dầu Nghệ An Mua hàng hóa và dịch vụ	3.917.882.346	5.685.719.906
Công ty Xăng dầu Khu Vực 5 Mua hàng hóa và dịch vụ	98.185.012	859.644.770
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex Mua hàng hóa và dịch vụ	182.010.000	1.573.745.500
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.884.594.529	3.337.798.860
Công ty Xăng dầu Bình Định Mua hàng hóa và dịch vụ	572.462.500	729.176.925
Công ty Xăng dầu B12 Doanh thu bán hàng Mua hàng hóa và dịch vụ	16.272.010 6.354.572.885	- 5,069,000,100
Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Phòng Mua hàng hóa và dịch vụ	820.750.818	-
Công ty Bảo hiểm PJICO Đà Nẵng Mua hàng hóa và dịch vụ	50.183.606	53.980.410
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	689.046.182	1.784.891.740
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long Mua hàng hóa và dịch vụ	2.569.429.103	1.477.186.132
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè Mua hàng hóa và dịch vụ	150.345.000	-
Công ty Xăng dầu Phú Khánh Mua hàng hóa và dịch vụ	153.750.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang Cổ tức	1.250.000.000	1.250.200.000
Thành viên Ban Giám đốc Tiền lương và thưởng	2.135.600.000	1.976.765.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Thù lao	163.600.000	168.720.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

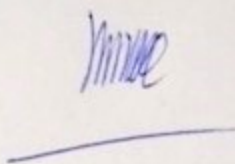
Ngày 9 tháng 9 năm 2021

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc